

Số: 119/TB/ĐLS-HĐQT

Lam Sơn, ngày 30 tháng 07 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh  
- Ủy ban chứng khoán nhà nước

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

- Mã chứng khoán: LSS
- Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá
- Điện thoại liên hệ: 02378.99.66.67 Fax: 02373.834.092
- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất Quý IV niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025; Kèm giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/07/2025 tại đường dẫn: <http://www.lasuco.vn/>,

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

### Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất Quý IV niên độ tài chính từ 01/07/2024 đến 30/06/2025
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Văn Loan

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
MÍA  
ĐƯỜNG  
LAM SƠN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ  
PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN  
DN: C=VN, S=Thanh Hóa, L="Thị  
Trần Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân,  
Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam",  
O=CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA  
ĐƯỜNG LAM SƠN, CN=CÔNG  
TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM  
SƠN,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M  
ST:2800463346, Phone=( 84 - 237  
) 8996 667  
Reason: I am the author of this  
document  
Location: your signing location here  
Date: 2025.07.30 14:23:08+07'00'  
Foxit Reader Version: 10.1.0

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỪ NGÀY 01 THÁNG 04 NĂM 2025  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2025

(NIÊN ĐỘ TỪ NGÀY 01/07/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2025)

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN



---

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 27

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>2.018.608.006.312</b>	<b>1.520.154.590.369</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>1</b>	<b>15.832.012.423</b>	<b>36.828.566.477</b>
1. Tiền		111		12.350.035.587	1.351.303.938
2. Các khoản tương đương tiền		112		3.481.976.836	35.477.262.539
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		<b>111.890.681.355</b>	<b>39.700.000.000</b>
1. Kinh doanh chứng khoán		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	2	111.890.681.355	39.700.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>304.849.926.089</b>	<b>443.126.256.901</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	3.1	23.480.804.682	205.181.739.678
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	3.2	200.782.661.391	197.895.340.750
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	4	42.800.000.000	28.000.000.000
6. Các khoản phải thu khác		136	5	64.168.016.618	41.746.912.584
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		137	6	(26.381.556.602)	(29.697.736.111)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>1.585.310.700.202</b>	<b>996.793.914.332</b>
1. Hàng tồn kho		141	7	1.601.683.510.599	1.022.135.331.649
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		149		(16.372.810.397)	(25.341.417.317)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>724.686.243</b>	<b>3.705.852.659</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	8	610.438.459	3.291.979.017
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		114.247.784	413.873.642
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>1.351.865.939.459</b>	<b>1.413.208.247.126</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>		<b>-</b>	<b>32.909.102.375</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	4	-	32.909.102.375
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>693.919.126.464</b>	<b>706.800.229.133</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	9	656.037.353.506	666.751.517.613
	<i>Nguyên giá</i>	222		2.819.777.894.323	2.726.535.843.019
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.163.740.540.817)	(2.059.784.325.406)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	10	37.881.772.958	40.048.711.520
	<i>Nguyên giá</i>	228		47.425.838.413	47.425.838.413
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.544.065.455)	(7.377.126.893)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>300.946.425.503</b>	<b>321.134.687.213</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	300.946.425.503	321.134.687.213
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>318.751.405.517</b>	<b>325.980.778.624</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		306.746.610.952	306.746.610.952
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		21.500.000.000	21.500.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.251.145.800	5.251.145.800
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(94.746.351.235)	(87.516.978.128)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		80.000.000.000	80.000.000.000
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>38.248.981.975</b>	<b>26.383.449.781</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	8	38.248.981.975	26.383.449.781
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>3.370.473.945.771</b>	<b>2.933.362.837.495</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>1.604.390.555.411</b>	<b>1.217.052.752.864</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>1.577.908.442.292</b>	<b>1.184.372.697.561</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	13	150.947.063.814	127.897.918.286
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	14	81.888.319.868	104.073.143.868
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	15	34.150.404.633	51.533.281.137
4. Phải trả người lao động		314		14.567.089.456	13.904.626.214
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	16	4.840.471.535	9.578.592.746
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	17	14.320.174.316	11.813.595.942
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	18	1.224.228.998.852	830.006.068.388
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		52.965.919.818	35.565.470.980
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>26.482.113.119</b>	<b>32.680.055.303</b>
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác		337		1.000.000.000	2.358.313.943
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	19	3.735.000.000	6.335.000.000
8. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343	20	21.747.113.119	23.986.741.360

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.766.083.390.360</b>	<b>1.716.310.084.631</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>1.766.083.390.360</b>	<b>1.703.958.698.870</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		857.416.230.000	801.350.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		857.416.230.000	801.350.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.455.332.801	191.455.332.801
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		598.378.787.910	589.325.869.293
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.833.039.649	121.826.986.776
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.587.904.041	31.297.800.600
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		111.245.135.608	90.529.186.176
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>12.351.385.761</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	22	-	12.351.385.761
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.370.473.945.771</b>	<b>2.933.362.837.495</b>

Lập ngày 29 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu

Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà



Lê Văn Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến 30/06/2025

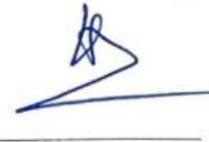
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ 01/07 đến 30/06	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	626.294.887.417	879.838.495.140	2.194.891.046.989	2.514.073.943.641
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		626.294.887.417	879.838.495.140	2.194.891.046.989	2.514.073.943.641
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	516.424.696.424	782.745.392.506	1.931.036.196.127	2.222.792.753.466
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		109.870.190.993	97.093.102.634	263.854.850.862	291.281.190.175
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	2.043.471.557	2.925.663.018	15.317.484.764	13.222.869.646
7.	Chi phí tài chính	22	VI. 4	25.086.287.297	18.580.202.833	66.433.722.557	73.713.426.434
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.377.826.581	13.134.231.277	53.994.307.931	46.100.344.090
8.	Chi phí bán hàng	25	VI. 5	8.847.116.801	18.829.935.022	43.576.983.236	50.766.663.257
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 6	13.754.003.122	23.055.095.191	37.564.125.760	62.148.816.142
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.226.255.330	39.553.532.606	131.597.504.073	117.875.153.988
11.	Thu nhập khác	31	VI. 7	85.190	1.216.052.822	1.138.973.725	1.875.055.624
12.	Chi phí khác	32	VI. 8	127.708.090	9.229.024.361	791.342.724	9.758.284.808
13.	Lợi nhuận khác	40		(127.622.900)	(8.012.971.539)	347.631.001	(7.883.229.184)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.098.632.430	31.540.561.067	131.945.135.074	109.991.924.804
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		10.909.362.956	6.515.206.674	20.699.999.466	19.462.738.629
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53.189.269.474	25.025.354.393	111.245.135.608	90.529.186.175

Người lập biểu



Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 29 tháng 07 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07/2024 đến 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	131.945.135.074	109.991.924.805
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	113.687.860.737	122.792.194.479
- Các khoản dự phòng	03	(5.055.413.322)	51.004.920.119
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	2.353.706.912
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.382.885.669)	(12.190.018.975)
- Chi phí lãi vay	06	53.994.307.931	46.100.344.090
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	283.189.004.751	320.053.071.430
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	191.865.949.356	(130.535.884.766)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(579.548.178.950)	(361.858.186.784)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(62.290.294.892)	129.728.746.433
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9.183.991.636)	2.947.242.051
- Tiền lãi vay đã trả	14	(53.420.455.206)	(46.027.716.327)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.497.031.314)	(7.596.593.096)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.243.483.781)	(1.984.385.059)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(254.128.481.672)</b>	<b>(95.273.706.118)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(80.683.763.014)	(12.879.398.728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.630.083.930
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(134.990.681.355)	(169.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	78.000.000.000	89.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(30.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.183.441.523	7.474.153.623
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(158.491.002.846)</b>	<b>(83.975.161.175)</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.268.029.937.658	1.879.620.397.038
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.876.407.007.194)	(1.670.690.116.202)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8.199.923)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>391.622.930.464</b>	<b>208.922.080.913</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(20.996.554.054)</b>	<b>29.673.213.620</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>36.828.566.477</b>	<b>7.155.404.880</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(52.023)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>15.832.012.423</b>	<b>36.828.566.477</b>

Lập ngày 29 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu



Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc



Lê Văn Phương

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO<sub>2</sub> (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle Net Suite).

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

## 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

## 6. Tài sản cố định vô hình

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Tiền thuê đất, thuê kho trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### 11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

### 12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chi tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

### 13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Căn cứ Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (được bổ sung theo khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015), Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm trồng trọt trong lĩnh vực nông nghiệp) trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

### 17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	90.667.354	87.232.458
Tiền gửi ngân hàng	12.259.368.233	1.264.071.480
Các khoản tương đương tiền	3.481.976.836	35.477.262.539
<b>Cộng</b>	<b><u>15.832.012.423</u></b>	<b><u>36.828.566.477</u></b>

**2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	111.890.681.355	39.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>111.890.681.355</u></b>	<b><u>39.700.000.000</u></b>

**3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN****3.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	-	156.494.168.250
HEKOU MINGCHENG TECHNOLOGY TRADE CO., LTD	-	7.933.917.420
KUNMING ANG KUN IMPORT AND EXPORT TRADE LIMITED COMPANY	-	7.052.371.040
CÔNG TY TNHH BIA CARLSBERG VIỆT NAM	729.382.500	-
CÔNG TY MUA BÁN ĐIỆN	2.932.884.839	69.286.349
Các khoản phải thu khách hàng khác	19.818.537.343	33.631.996.619
<b>Cộng</b>	<b><u>23.480.804.682</u></b>	<b><u>205.181.739.678</u></b>

**3.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán tại XNNL	195.071.362.953	162.052.735.285
Trả trước cho người bán tại VPCT	5.711.298.438	35.842.605.465
<b>Cộng</b>	<b><u>200.782.661.391</u></b>	<b><u>197.895.340.750</u></b>

**4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	42.800.000.000	28.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC</b>		
<b>Ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng</i>	4.998.680.900	5.690.649.328
<i>Công ty CP rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	8.504.060.306	8.504.060.306
<i>Tiền hỗ trợ phân bón</i>	42.899.988.575	9.990.886.200
Tạm ứng	233.210.077	165.330.820
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.896.845.044	10.265.653.232
Các khoản phải thu khác	5.635.231.716	7.130.332.698
<b>Cộng</b>	<b>64.168.016.618</b>	<b>41.746.912.584</b>

<b>Dài hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Tiền hỗ trợ phân bón</i>	-	32.909.102.375
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>32.909.102.375</b>

**VI. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

<b>Số đầu năm</b>	<b>(29.697.736.111)</b>
Dự phòng trích lập trong năm	(271.557.997)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	3.587.737.506
<b>Số cuối năm</b>	<b>(26.381.556.602)</b>

**VII. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	51.587.446.218	70.035.562.127
Công cụ, dụng cụ	1.581.804.485	857.898.075
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.258.124.848	8.648.340.716
Thành phẩm	1.534.151.759.992	925.532.529.417
Hàng hóa	5.104.375.056	17.061.001.314
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.372.810.397)	(25.341.417.317)
<b>Cộng</b>	<b>1.585.310.700.202</b>	<b>996.793.914.332</b>

**VIII. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

<b>Ngắn hạn</b>	
Số đầu năm	3.291.979.017
Số cuối năm	610.438.459

<b>Dài hạn</b>	
Số đầu năm	26.383.449.781
Số cuối năm	38.248.981.975

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****IX. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	521.104.733.512	2.137.473.801.840	47.498.361.621	19.925.556.046	533.390.000	2.726.535.843.019
Tăng trong kỳ	19.508.872.535	81.363.152.189				100.872.024.724
<i>Mua sắm mới</i>	<i>15.508.621.332</i>	<i>49.123.894.725</i>				<i>64.632.516.057</i>
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	<i>4.000.251.203</i>	<i>32.239.257.464</i>				<i>36.239.508.667</i>
Tăng khác						
Giảm trong kỳ		(2.794.599.779)		(4.835.373.641)		(7.629.973.420)
<i>Giảm do thanh lý nhượng bán</i>		<i>(2.794.599.779)</i>		<i>(4.835.373.641)</i>		<i>(7.629.973.420)</i>
Giảm khác						
<b>Số cuối năm</b>	<b>540.613.606.047</b>	<b>2.216.042.354.250</b>	<b>47.498.361.621</b>	<b>15.090.182.405</b>	<b>533.390.000</b>	<b>2.819.777.894.323</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	306.156.233.710	1.691.951.000.299	41.443.457.513	19.807.996.172	425.637.712	2.059.784.325.406
Tăng trong kỳ	22.887.256.154	87.180.265.242	1.383.490.975	61.231.764	8.678.040	111.520.922.175
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>22.887.256.154</i>	<i>87.180.265.242</i>	<i>1.383.490.975</i>	<i>61.231.764</i>	<i>8.678.040</i>	<i>111.520.922.175</i>
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL</i>						
Tăng khác						
Giảm trong kỳ		(2.729.333.123)		(4.835.373.641)		(7.564.706.764)
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>		<i>(2.729.333.123)</i>		<i>(4.835.373.641)</i>		<i>(7.564.706.764)</i>
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>329.043.489.864</b>	<b>1.776.401.932.418</b>	<b>42.826.948.488</b>	<b>15.033.854.295</b>	<b>434.315.752</b>	<b>2.163.740.540.817</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>	<b>214.948.499.802</b>	<b>445.522.801.541</b>	<b>6.054.904.108</b>	<b>117.559.874</b>	<b>107.752.288</b>	<b>666.751.517.613</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>211.570.116.183</b>	<b>439.640.421.832</b>	<b>4.671.413.133</b>	<b>56.328.110</b>	<b>99.074.248</b>	<b>656.037.353.506</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****X. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	32.195.577.517	15.230.260.896	47.425.838.413
Tăng trong kỳ do mua sắm	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-
Giảm khác			
<b>Số cuối năm</b>	<b>32.195.577.517</b>	<b>15.230.260.896</b>	<b>47.425.838.413</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.617.670.358	4.759.456.535	7.377.126.893
Tăng trong kỳ do khấu hao	263.155.950	1.903.782.612	2.166.938.562
Giảm khác	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.880.826.308</b>	<b>6.663.239.147</b>	<b>9.544.065.455</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	29.577.907.159	10.470.804.361	40.048.711.520
<b>Số cuối năm</b>	<b>29.314.751.209</b>	<b>8.567.021.749</b>	<b>37.881.772.958</b>

**XI. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	17.082.021.569	30.389.481.352
Dự án đầu tư công viên sinh thái tre, luồng Thanh Tâm	275.463.035.159	272.308.494.381
Dự án nhà máy nước mía cô đặc	-	17.695.671.956
Dự án khác	8.401.368.775	741.039.524
<b>Cộng</b>	<b>300.946.425.503</b>	<b>321.134.687.213</b>

**XII. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>306.746.610.952</b>	<b>306.746.610.952</b>
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn</i>	8.300.000.000	8.300.000.000
<i>Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng</i>	100.737.621.024	100.737.621.024
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn</i>	13.950.000.000	13.950.000.000
<i>Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng</i>	21.396.593.886	21.396.593.886
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước</i>	13.500.000.000	13.500.000.000
<i>Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn</i>	9.862.396.042	9.862.396.042

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn</i>	139.000.000.000	139.000.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>21.500.000.000</b>	<b>21.500.000.000</b>
<i>Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	21.500.000.000	21.500.000.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>5.251.145.800</b>	<b>5.251.145.800</b>
<i>Tổng Công ty Mía đường I</i>	2.974.645.800	2.974.645.800
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà</i>	2.276.500.000	2.276.500.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>(94.746.351.235)</b>	<b>(87.516.978.128)</b>

**XIII. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tại XNNL	118.287.229.347	97.298.627.953
Phải trả tại VPCT	31.141.279.444	29.411.043.226
Phải trả tại các đơn vị	1.518.555.023	1.188.247.107
<b>Cộng</b>	<b>150.947.063.814</b>	<b>127.897.918.286</b>

**XIV. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	81.888.319.868	104.073.143.868
<b>Cộng</b>	<b>81.888.319.868</b>	<b>104.073.143.868</b>

**XV. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	13.860.805.167	14.673.878.638
Thuế xuất nhập khẩu	-	15.658.104.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.289.599.466	17.913.096.659
Các loại thuế khác	-	3.288.201.840
<b>Cộng</b>	<b>34.150.404.633</b>	<b>51.533.281.137</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Nguồn mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật ri	5%
Điện, nước mía, sữa gạo	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý IV năm 2024/2025:

	<u>Năm nay</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>64.098.632.430</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:</b>	<b>-</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.531.377.997
<i>Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất</i>	29.930.592
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ có NG trên 1.6 tỷ đồng</i>	89.771.250
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị không chuyên trách</i>	280.000.000
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ</i>	-
<i>Các khoản khác</i>	7.131.676.155
- Các khoản điều chỉnh giảm	401.950.512
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>72.729.086.376</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>10.909.362.956</b>
<b>Thuế TNDN năm trước</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>53.189.269.474</b>

**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**XVI. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả	4.840.471.535	9.578.592.746
<b>Cộng</b>	<b>4.840.471.535</b>	<b>9.578.592.746</b>

**XVII. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	1.134.275.200	-
Kinh phí công đoàn	2.363.807.562	1.714.655.762
Hoàn ứng	517.483.845	1.772.321.405
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.304.607.709	8.326.618.775
<b>Cộng</b>	<b>14.320.174.316</b>	<b>11.813.595.942</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****XVIII. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	1.222.228.998.852	830.006.068.388
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	<u>2.000.000.000</u>	<u>-</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.224.228.998.852</u></b>	<b><u>830.006.068.388</u></b>

**XIX. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	3.735.000.000	6.335.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.735.000.000</u></b>	<b><u>6.335.000.000</u></b>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền trả /giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay đối tượng khác	6.335.000.000		2.600.000.000	3.735.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.335.000.000</u></b>		<b><u>2.600.000.000</u></b>	<b><u>3.735.000.000</u></b>

*(\*) Vay dài hạn đến hạn trả phân loại sang ngắn hạn: 2.000.000.000 đồng***XX. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	21.747.113.119	23.986.741.360
<b>Cộng</b>	<b><u>21.747.113.119</u></b>	<b><u>23.986.741.360</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****XXI. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>745.479.930.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>587.011.743.761</b>	<b>91.797.029.231</b>	<b>1.615.744.035.793</b>
Lợi nhuận năm trước				-	-
Lợi nhuận năm nay				90.529.186.175	90.529.186.175
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			2.314.125.532	(2.314.125.532)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(2.314.125.532)	(2.314.125.532)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	55.870.580.000			(55.870.580.000)	-
Các khoản khác				(397.566)	(397.566)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>801.350.510.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>589.325.869.293</b>	<b>121.826.986.776</b>	<b>1.703.958.698.870</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>801.350.510.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>589.325.869.293</b>	<b>121.826.986.776</b>	<b>1.703.958.698.870</b>
Lợi nhuận năm trước					-
Lợi nhuận năm nay				111.245.135.608	111.245.135.608
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			9.052.918.617	(9.052.918.617)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(9.052.918.617)	(9.052.918.617)
Chia cổ tức năm nay	56.065.720.000			(96.133.245.501)	(40.067.525.501)
Các khoản khác					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>857.416.230.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>598.378.787.910</b>	<b>118.833.039.649</b>	<b>1.766.083.390.360</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	857.416.230.000	801.350.510.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801
<b>Cộng</b>	<b><u>1.048.871.562.801</u></b>	<b><u>992.805.842.801</u></b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	85.741.623	80.135.051
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	85.741.623	80.135.051
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	85.741.623	80.135.051
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	85.741.623	80.135.051
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	85.741.623	80.135.051

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

**Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

**XXII. NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ**

<b>Số đầu năm</b>	<b>12.351.385.761</b>
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	<u>(12.351.385.761)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>

**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA QUÝ IV NĂM TÀI CHÍNH 2024/2025:****VI.1 - DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Giai đoạn 01/04 đến 30/06</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>626.294.887.417</b>	<b>879.838.495.140</b>
Doanh thu bán hàng hóa	135.649.425.712	136.364.832.899
Doanh thu bán thành phẩm	487.214.896.429	739.988.606.049
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	3.430.565.276	3.485.056.192
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>626.294.887.417</b>	<b>879.838.495.140</b>
Doanh thu bán hàng hóa	135.649.425.712	136.364.832.899
Doanh thu bán thành phẩm	487.214.896.429	739.988.606.049
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.430.565.276	3.485.056.192

**VI.2 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	135.164.114.647	132.932.648.898
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	378.776.596.669	644.753.750.736
Giá vốn của hàng bán khác	2.483.985.108	5.058.992.872
Dự phòng/hoàn nhập hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>516.424.696.424</b>	<b>782.745.392.506</b>

**VI.3 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	787.110.477	389.300.988
Lãi tiền cho vay	455.555.954	254.157.719
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.105.462.989)	716.355.604
Lãi đầu tư trái phiếu	1.114.685.388	1.565.848.707
Lãi khác	791.582.727	-
<b>Cộng</b>	<b>2.043.471.557</b>	<b>2.925.663.018</b>

**VI.4 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18.377.826.581	13.134.231.277
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	7.229.373.107	2.760.696.275
Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động SXKD	354.320.042	2.525.331.718
Chiết khấu thanh toán	(965.586.337)	159.943.563

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ các khoản đầu tư khác	-	-
Chi phí khác	90.353.904	-
<b>Cộng</b>	<b>25.086.287.297</b>	<b>18.580.202.833</b>

**VI.5 - CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.577.748.593	1.999.332.319
Chi phí khấu hao TSCĐ	878.015.847	613.075.677
Chi phí vận chuyển	767.729.649	8.482.740.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.719.294.942	4.384.008.823
Chi phí bằng tiền khác	2.904.327.770	3.350.778.105
<b>Cộng</b>	<b>8.847.116.801</b>	<b>18.829.935.022</b>

**VI.6 - CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.957.592.565	7.656.129.193
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.195.281.716	2.358.832.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	530.377.754	1.211.975.607
Chi phí dự phòng, trợ cấp	266.054.414	1.973.513.069
Chi phí quản lý bằng tiền khác	3.804.696.673	9.854.644.807
<b>Cộng</b>	<b>13.754.003.122</b>	<b>23.055.095.191</b>

**VI.7 - THU NHẬP KHÁC**

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	-	1.077.855.505
Thu nhập khác	85.190	138.197.317
<b>Cộng</b>	<b>85.190</b>	<b>1.216.052.822</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI.8 - CHI PHÍ KHÁC**

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	29.930.592	55.958.612
Chi phí khác	97.777.498	9.173.065.749
<b>Cộng</b>	<b>127.708.090</b>	<b>9.229.024.361</b>

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý IV- năm 2024-2025	53.189.269.474
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	81.736.929
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>650,7</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ như sau:

	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	80.135.051
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	5.606.572
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>81.736.929</b>

**VII – NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
		30/06/2025	01/07/2024
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	59,89	51,82
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	40,11	48,18

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Chi tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>		
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	47,60	41,49
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	52,40	58,51
<b>Khả năng thanh toán</b>		<b>30/06/2025</b>	<b>01/07/2024</b>
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,10	2,41
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,28	1,28
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,01	0,03
<b>Tỷ suất sinh lời từ 01/07 đến 30/06:</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	6,01	4,38
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	5,07	3,60
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	6,01	4,38
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	5,07	3,60
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3,91	3,75
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,30	3,09
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>%</b>	<b>6,48</b>	<b>5,27</b>

**2. Báo cáo bộ phận****Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/04/2025 đến 30/06/2025, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 626.294.887.417 đồng; Trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm sau đường là 570.772.916.426 đồng chiếm tỷ trọng 91,1% ; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 8,9% trên tổng doanh thu. Do đó, Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

**Theo khu vực địa lý:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan**

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024</b>
<b>Giao dịch mua hàng</b>			
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	21.769.883.990	4.404.947.323

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024</b>
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	633.578.400	121.280.870
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	44.700.740.000	44.543.114.476
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	4.125.209.875	11.581.175.625
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	349.446.875	1.230.985.000
<b>Giao dịch bán hàng</b>			
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	1.030.748.899	971.557.088
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	69.488.471.811	131.119.164.846
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	7.050.689.380	7.814.139.050
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	317.230.683	207.282.308
Công ty TNHH Thành An - Lam Sơn	Công ty con	51.316.292	169.731.248

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tại ngày 01/07/2024 và ngày 30/06/2025, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	1.767.303.561	-
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	22.209.147.335	
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	112.361.685.000	91.409.482.500
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	2.687.215.126	1.557.504.715
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	4.998.680.900	5.690.649.328
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	42.800.000.000	28.000.000.000

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

STT	Họ và tên	Chức danh	Từ 01/04/2025	Từ 01/04/2024
			đến 30/06/2025	đến 30/06/2024
			VND	VND
1	Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	369.805.720	310.366.795
2	Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	176.573.566	224.431.667
3	Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực HĐQT	136.165.566	185.020.304
4	Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	31.000.000	31.000.000
5	Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
6	Ông Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	187.494.883	173.490.854
7	Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	106.193.816	118.814.402
8	Ông Lê Bá Chiểu	Phó Tổng Giám đốc	101.725.643	128.362.924
9	Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	100.877.566	134.972.524
10	Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	93.304.643	106.009.339
11	Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	82.694.628	118.836.918
12	Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên Ban Kiểm soát	62.534.089	86.088.705
13	Bà Nguyễn Thị Hồng An	Thành viên Ban Kiểm soát	42.352.643	-
<b>Tổng</b>			<b>1.520.722.764</b>	<b>2.143.769.554</b>

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**5. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ:** Lợi nhuận sau thuế Quý IV niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025 đạt 53.189.269.474 đồng, tăng 112,54% so với cùng kỳ năm 2023/2024, do một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/04 đến 30/06		
		Năm nay(đ)	Năm trước(đ)	Tăng giảm(%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	626.294.887.417	879.838.495.140	(28,82)
2	Giá vốn hàng bán	516.424.696.424	782.745.392.506	(34,02)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	109.870.190.993	97.093.102.634	13,16
4	Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu	17,54 %	11,04%	58,97
5	Doanh thu hoạt động tài chính	2.043.471.557	2.925.663.018	(30,15)
6	Chi phí tài chính	25.086.287.297	18.580.202.833	35,02
7	Chi phí bán hàng	8.847.116.801	18.829.935.022	(53,02)
8	Chi phí quản lý	13.754.003.122	23.055.095.191	(40,34)
9	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	53.189.269.474	25.025.354.393	112,54

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

